

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2025

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Rô

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Hà Thanh N, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà C L, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ. Nay là Số nhà C L, phường B, Thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H (2) B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp H (2) B, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hà Thanh N trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Phạm Thị Cẩm T tìm hiểu, chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 4 năm 2021, thời gian chung sống anh và chị Phạm Thị Cẩm T có 01 người con chung tên: Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020, từ khi anh và chị Phạm Thị Cẩm T ly thân, con chung sống với anh cho đến nay. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Phạm Thị Cẩm T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Phạm Thị Cẩm T thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, chị Phạm Thị Cẩm T không quan tâm đến chồng con, sống ly thân với anh từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Anh thấy, anh và chị Phạm Thị Cẩm T không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020, anh không yêu cầu chị Phạm Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản xác minh ngày ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1997, cư trú tại ấp H (2) Biển, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp H (2) Biển, xã T, tỉnh An Giang, hiện nay chị Phạm Thị Cẩm T đi làm thuê vắng mặt ở nhà nên không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho chị được, chị thường xuyên đi về gia đình. Anh Hà Thanh N và chị Phạm Thị Cẩm T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thời gian anh chị chung sống có 01 người con chung tên Hà Bảo L, đang được anh Hà Thanh N chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Phạm Thị Cẩm T biết để chị có ý kiến về việc anh Hà Thanh N yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nhưng chị Phạm Thị Cẩm T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* 02 Căn cước công dân tên Hà Thanh N và Phạm Thị Cẩm T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn Phạm Thị Cẩm T và Hà Thanh N số: 160/2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ (Bản chính); Giấy khai sinh tên Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú ngày 22 tháng 4 năm 2025 của anh Hà Thanh N (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Hà Thanh N yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020, anh không yêu cầu chị Phạm Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Hà Thanh N yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Hà Thanh N được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho anh Hà Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Hà Thanh N không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Hà Thanh N tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hà Thanh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T và nuôi con. Bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T cư trú tại: ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị Cẩm T biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Hà Thanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị nhưng chị Phạm Thị Cẩm T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Phạm Thị Cẩm T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Phạm Thị Cẩm T nhưng chị Phạm Thị Cẩm T vẫn có tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay anh Hà Thanh N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị Cẩm T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Hà Thanh N và chị Phạm Thị Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2019, anh chị có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ là một trong những nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 160/2021 ngày 16 tháng 4 năm 2021, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Hà Thanh N yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T, thời gian anh và chị Phạm Thị Cẩm T chung sống thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, chị Phạm Thị Cẩm T không quan tâm đến chồng con, sống ly thân với anh Hà Thanh N từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, anh Hà Thanh N thấy, anh và chị Phạm Thị Cẩm T không còn tình cảm vợ chồng, anh Hà Thanh N yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T, nhưng chị Phạm Thị Cẩm T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Hà Thanh N yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Hà Thanh N cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Hà Thanh N, cho anh Hà Thanh N được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Hà Thanh N và chị Phạm Thị Cẩm T có 01 người con chung tên Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020, sống chung với anh Hà Thanh N từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh Hà Thanh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; chị Phạm Thị Cẩm T không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với anh Hà Thanh N, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Hà Thanh N, giao người con chung của anh chị tên: Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020 cho anh Hà Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Hà Thanh N không yêu cầu chị Phạm Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Hà Thanh N tự xác định, anh và chị Phạm Thị Cẩm T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát

sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hà Thanh N được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Hà Bảo L, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2020 cho anh Hà Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay đang chung sống với anh Hà Thanh N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Thanh N không yêu cầu chị Phạm Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Hà Thanh N tự xác định, anh và chị Phạm Thị Cẩm T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Hà Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011964 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Anh Hà Thanh N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/9/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường B, Thành phố Cần Thơ;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo